

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-SKHCN ngày 29/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024 gồm 21 nhiệm vụ như sau:

- Lĩnh vực khoa học nông nghiệp: 03 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: 05 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: 04 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực khoa học giáo dục và đào tạo, y dược, công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 02 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực khoa học an ninh, quốc phòng: 01 nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 về Chương trình hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng và Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 17/10/2019 thực hiện Đề án 996 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam: 04 nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030: 02 nhiệm vụ.

(Có Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

1. Công bố Danh mục đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024 được phê duyệt tại Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2024; tổ chức thực hiện việc tuyển chọn, giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật; đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh tên, mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước để sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Hưng

DANH MỤC
ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

| Stt | Tên nhiệm vụ | Định hướng mục tiêu/ Yêu cầu đối với kết quả | Phương thức tổ chức thực hiện |
|----------|--------------------------------------|---|-------------------------------|
| I | LĨNH VỰC KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP | | |
| 1 | 1 | <p>Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh cây cam và trồng mới chu kỳ 2 tại tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu: (1) Hoàn thiện quy trình thâm canh cây cam tại tỉnh Hưng Yên. (2) Hoàn thiện quy trình trồng mới cây cam chu kỳ 2 (tái canh) tại tỉnh Hưng Yên. (3) Xây dựng mô hình thâm canh cây cam trên vườn cam hiện có (khoảng 02 ha); cây cam trong mô hình sinh trưởng khỏe, tỷ lệ nhiễm bệnh vàng lá thối rữa < 15%, năng suất đạt từ 25-30 tấn/ha, chất lượng quả tốt. (4) Xây dựng mô hình trồng mới cây cam chu kỳ 2 (tái canh khoảng 02 ha); tỷ lệ cây cam trong mô hình sống đạt ≥ 90%, tỷ lệ vàng lá đạt ≤ 10% sau trồng năm thứ 3. (5) Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật quản lý tổng hợp vi sinh vật hại, thâm canh cây cam và kỹ thuật trồng mới cây cam chu kỳ 2 hiệu quả cho các hộ trồng cam tại tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ: (1) Quy trình thâm canh cây cam tại tỉnh Hưng Yên. Quy trình phù hợp với trình độ, khả năng đầu tư của người dân, áp dụng quy trình giúp cây cam sinh trưởng khỏe, tỷ lệ nhiễm bệnh vàng lá thối rữa < 15%, năng suất đạt từ 25-30 tấn/ha, chất lượng quả tốt. (2) Quy trình trồng mới cây cam chu kỳ 2 tại tỉnh Hưng Yên. Quy trình phù hợp với trình độ, khả năng đầu tư của người dân, áp dụng quy trình giúp cây cam sinh trưởng khỏe, với tỷ lệ cây sống đạt ≥ 90%, tỷ lệ vàng lá đạt ≤ 10% sau trồng năm thứ 3. (3) 02 ha mô hình thâm canh cây cam tại tỉnh Hưng Yên trên vườn cam hiện có. Cây cam trong mô hình sinh trưởng khỏe, tỷ lệ nhiễm bệnh vàng lá thối rữa < 15%, năng suất đạt từ 25-30 tấn/ha, chất lượng quả tốt; 02 ha mô hình trồng mới cây cam chu kỳ 2 (tái canh) với tỷ lệ cây sống đạt ≥ 90%, tỷ lệ vàng lá đạt ≤ 10% sau trồng năm thứ 3. (4) Tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật quản lý tổng hợp vi sinh vật hại và thâm canh cây cam theo hướng bền vững; kỹ thuật trồng mới cây cam chu kỳ 2 hiệu quả cho khoảng 50 hộ</p> | <p>Giao trực tiếp</p> |

| | | | | |
|---|---|---|--|------------|
| | | | trồng cam tại tỉnh Hưng Yên. (5) Báo cáo khoa học tổng kết dự án và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có). 3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30% | |
| 2 | 2 | Đề tài: Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng cây sen luân canh với lúa, nuôi trồng thủy sản và kết hợp du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xây dựng mô hình trồng cây sen luân canh với lúa, nuôi trồng thủy sản và kết hợp du lịch sinh thái để đạt được hiệu quả sản xuất cao hơn .</p> <p>(2) Đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp từ cây sen, lúa, thủy sản để tăng hiệu quả kinh tế và mở rộng thị trường tiêu thụ.</p> <p>(3) Nâng cao thu nhập cho các hộ nông dân tham gia mô hình từ 2,0 - 2,5 lần so với sản xuất nông nghiệp thông thường, tạo ra một chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế- xã hội địa phương.</p> <p>(4) Kết hợp với các hoạt động du lịch sinh thái để tạo ra các sản phẩm du lịch mới và tăng thu nhập cho người dân địa phương.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) 01 báo cáo kết quả khảo sát về đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế, xã hội và nhu cầu thị trường nông sản của huyện Tiên Lữ và tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) 01 báo cáo xác định các loại giống (cây, con) cho từng loại cây sen, lúa, thủy sản trong mô hình.</p> <p>(3) 01 quy trình kỹ thuật canh tác tổng hợp: trồng cây sen luân canh với lúa, nuôi trồng thủy sản và kết hợp du lịch sinh thái.</p> <p>(4) 01 mô hình thí điểm quy mô khoảng 5 ha, trồng sen kết hợp trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và kết hợp du lịch sinh thái.</p> <p>(5) Báo cáo khoa học tổng kết dự án và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30%</p> | Tuyển chọn |
| 3 | 3 | Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất nho Hạ Đen theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Khảo sát, đánh giá về tình hình sản xuất, nhu cầu tiêu thụ đối với sản phẩm nho Hạ Đen; đánh giá tính khả thi về sinh trưởng, phát triển của giống nho Hạ Đen với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất nho Hạ đen (trồng, chăm sóc và thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm) phù hợp với điều kiện (đất đai, khí hậu.v.v.) của tỉnh Hưng Yên theo chuỗi giá trị;</p> <p>(3) Xây dựng các mô hình trồng mới nho Hạ Đen ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (có mái che, hệ thống tưới thông minh với tổng diện tích khoảng 15.000 m²) tại một số huyện trên</p> | Tuyển chọn |

| | | | |
|-----------|---|--|------------|
| | | <p>địa bàn tỉnh Hưng Yên theo chuỗi giá trị.</p> <p>(4) Đào tạo, chuyển giao quy trình kỹ thuật (khoảng 10 kỹ thuật viên và 200 nông hộ), tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn trồng giống nho Hạ Đen góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo đánh giá quá trình sinh trưởng, phát triển và hiệu quả kinh tế mang lại từ mô hình trồng nho Hạ Đen;</p> <p>(2) 01 quy trình sản xuất nho Hạ Đen theo chuỗi giá trị (trồng, chăm sóc, thu hoạch, tiêu thụ sản phẩm). Quy trình phù hợp với trình độ, khả năng đầu tư của người dân, áp dụng quy trình giúp cây nho sinh trưởng khỏe, năng suất đạt từ 15-17 tấn/ha (sản xuất 02 vụ/năm), độ brix đạt 16-18;</p> <p>(3) 03 mô hình trồng mới nho Hạ Đen ứng dụng tiến bộ KH&CN (có mái che, hệ thống tưới thông minh với tổng diện tích khoảng 15.000 m²) tại 03 huyện theo chuỗi giá trị: năng suất đạt từ 15-17 tấn/ha (sản xuất 02 vụ/năm), độ brix đạt 16-18;</p> <p>(4) Đào tạo chuyên gia quy trình kỹ thuật (khoảng 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 200 nông hộ), tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn trồng giống nho Hạ Đen góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.</p> <p>(5) Báo cáo khoa học tổng kết dự án và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30%</p> | |
| II | | LĨNH VỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ | |
| 4 | 1 | <p>Đề tài: Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh ứng dụng xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc trên địa bàn tỉnh</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Nghiên cứu quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh quy mô công nghiệp (dạng bột) ứng dụng xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc.</p> <p>(2) Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh dạng bột ứng dụng xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc.</p> <p>(2) Chế phẩm vi sinh xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc mật độ tế bào vi sinh vật hữu ích trong chế phẩm $\geq 10^8$ CFU/g (10000 kg chế phẩm vi sinh dạng bột).</p> <p>(3) Mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh dạng bột xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi gia súc (ít nhất tại 03 trang trại quy mô vừa và nhỏ).</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|---|---|---|--|------------|
| | | | <p>(4) 01 sổ tay hướng dẫn sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi (dễ hiểu, dễ thực hiện để tập huấn cho các cơ sở chăn nuôi và nhân rộng mô hình).</p> <p>(5) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30%</p> | |
| 5 | 2 | <p>Đề tài: Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm bổ dưỡng từ nguyên liệu cùi nhãn, hạt sen và yến sào</p> | <p>1. Mục tiêu</p> <p>(1) Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm bổ dưỡng từ nguyên liệu cùi nhãn, hạt sen và yến sào cho người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em ở quy mô công nghiệp.</p> <p>(2) Mô hình thiết bị sản xuất thực phẩm bổ dưỡng từ nguyên liệu cùi nhãn, hạt sen và yến sào ở quy mô công nghiệp.</p> <p>(3) Sản xuất thử nghiệm và đánh giá thị hiếu người tiêu dùng, thị trường tiêu thụ sản phẩm.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào đối với cùi nhãn, hạt sen, yến sào cho từng sản phẩm;</p> <p>(2) 03 quy trình công nghệ sản xuất thực phẩm bổ dưỡng từ nguyên liệu cùi nhãn, hạt sen và yến sào cho người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em;</p> <p>(3) Mô hình thiết bị sản xuất thực phẩm bổ dưỡng từ nguyên liệu cùi nhãn, hạt sen và yến sào cho người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em, quy mô 2000 sản phẩm/giờ;</p> <p>(4) 03 tiêu chuẩn cơ sở cho 03 sản phẩm: thực phẩm bổ dưỡng từ nguyên liệu cùi nhãn, hạt sen và yến sào cho người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em;</p> <p>(5) 12.000 sản phẩm (mỗi loại 4.000 sản phẩm) đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế;</p> <p>(6) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30%</p> | Tuyển chọn |
| 6 | 3 | <p>Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Plasma lạnh trong quá trình bảo quản quả nhãn tươi của tỉnh Hưng Yên đáp ứng yêu cầu xuất khẩu</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Hệ thống hóa và nghiên cứu các tiêu chuẩn nhập khẩu quả nhãn tươi tại các thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Đánh giá thực trạng, năng lực sản xuất, chủng loại và chất lượng quả nhãn tươi của tỉnh Hưng Yên đủ tiêu chuẩn xuất khẩu;</p> <p>(2) Nghiên cứu công nghệ Plasma lạnh giúp bảo quản quả nhãn tươi đủ tiêu chuẩn xuất khẩu; đề xuất các giải pháp nhằm ứng dụng hiệu quả công nghệ Plasma lạnh trong bảo quản nông sản của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Xây dựng quy trình sơ chế và bảo quản sau thu hoạch quả nhãn tươi của tỉnh Hưng Yên đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.</p> <p>(4) Triển khai lắp đặt thí điểm và chuyển giao việc ứng dụng công nghệ Plasma lạnh bảo quản</p> | Tuyển chọn |

| | | | |
|---|---|---|------------|
| | | <p>quả nhãn tươi đủ tiêu chuẩn xuất khẩu cho 01 đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo tổng hợp về tiêu chuẩn nhập khẩu quả nhãn tươi tại các thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản. Đánh giá thực trạng, năng lực sản xuất, chủng loại và chất lượng quả nhãn tươi của tỉnh Hưng Yên đủ tiêu chuẩn xuất khẩu;</p> <p>(2) Báo cáo chuyên đề nghiên cứu công nghệ Plasma lạnh giúp bảo quản quả nhãn tươi đủ tiêu chuẩn xuất khẩu; đề xuất các giải pháp ứng dụng hiệu quả công nghệ Plasma lạnh trong bảo quản nông sản của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) 01 quy trình sơ chế và bảo quản sau thu hoạch quả nhãn tươi của tỉnh Hưng Yên đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.</p> <p>(4) 01 mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ Plasma lạnh bảo quản quả nhãn tươi đủ tiêu chuẩn xuất khẩu cho 01 đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(5) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30%</p> | |
| 7 | 4 | <p>Đề tài: Nghiên cứu chế tạo hệ thống sản xuất dung dịch bôi trơn, làm mát có chứa vật liệu nano hai chiều ứng dụng trong kỹ thuật cơ khí</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xây dựng và làm chủ công nghệ chế tạo vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide; công nghệ sản xuất dung dịch phối trộn vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide có tính năng bôi trơn, làm mát dùng cho lĩnh vực cơ khí, công suất 01 lít/giờ.</p> <p>(2) Thiết kế, chế tạo hệ thống tưới nguội sử dụng dung dịch bôi trơn, làm mát có chứa vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide ứng dụng trong hoạt động gia công cơ khí (phay, bào, khoan) góp phần nâng cao hiệu quả, mở rộng phạm vi làm việc của dụng cụ phay, bào, khoan trong hoạt động gia công cơ khí, nâng cao hiệu quả kinh tế.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Quy trình công nghệ chế tạo vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide; công nghệ sản xuất dung dịch phối trộn vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide có tính năng bôi trơn, làm mát dùng cho lĩnh vực cơ khí công suất 01 lít/giờ.</p> <p>(2) Hệ thống tưới nguội sử dụng dung dịch bôi trơn, làm mát có chứa vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide ứng dụng trong hoạt động gia công cơ khí.</p> <p>(3) Sản xuất 3-5 loại dung dịch bôi trơn, làm mát (dầu) có chứa vật liệu nano 2D graphene và molybdenum disulfide với tổng khối lượng khoảng 100 lít đạt chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại TCVN 8939- 4:2019 (ISO 6743-4:2015). Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) - Phân loại - Phần 4: Họ H (Hệ thống thủy lực).</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|---|---|---|--|------------|
| | | | (4) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có). 3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30% | |
| 8 | 5 | Đề tài: Nghiên cứu phát triển sản phẩm từ cao định chuẩn lá ổi (<i>Psidium guajava</i>) trồng tại Hưng Yên có tác dụng hỗ trợ điều trị tiểu đường | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất quy mô pilot: cao định chuẩn lá ổi (<i>Psidium guajava</i>) trồng tại Hưng Yên; viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi có tác dụng hỗ trợ điều trị tiểu đường, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định ở 02 điều kiện: $30^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, $75\% \pm 5\%$ RH và $40^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, $75\% \pm 5\%$ RH trong 6 tháng.</p> <p>(2) Đánh giá tác dụng dược lý của cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên và viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên trên mô hình thực nghiệm gây tăng đường huyết bằng streptozocin ở động vật (<i>in vivo</i>).</p> <p>(3) Đánh giá độc tính cấp và độc tính bán trường diễn của cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên và viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên.</p> <p>(4) Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với: Dược liệu lá ổi Hưng Yên; cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên và sản phẩm viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên có tác dụng hạ đường huyết.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) 05 chất chính trong lá ổi Hưng Yên có khối lượng tối thiểu 10 mg/ chất;</p> <p>(2) 01 chất đối chiếu có khối lượng tối thiểu 100 mg, độ tinh khiết tối thiểu 90%;</p> <p>(3) 01 kg cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên có tác dụng hạ đường huyết;</p> <p>(4) 2000 viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên có tác dụng hạ đường huyết;</p> <p>(5) 01 quy trình công nghệ sản xuất cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên, quy mô 05 kg/mẻ;</p> <p>(6) 01 công thức bào chế và quy trình công nghệ sản xuất viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên, quy mô 3000 sản phẩm/mẻ;</p> <p>(7) Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở gồm: 01 tiêu chuẩn cơ sở cho lá ổi Hưng Yên, 01 tiêu chuẩn cơ sở cho cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên, 01 tiêu chuẩn cơ sở cho viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên.</p> <p>(8) 01 bộ báo cáo nghiên cứu độ ổn định gồm: Báo cáo độ ổn định của cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên và viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên ở hai điều kiện: $30^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, $75\% \pm 5\%$ RH trong 6 tháng và $40^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, $75\% \pm 5\%$ RH trong 6 tháng.</p> <p>(9) 01 bộ báo cáo về dược lý gồm: 01 báo cáo tác dụng dược lý của cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên, 01 báo cáo tác dụng dược lý của viên nang cứng chứa cao định chuẩn lá ổi Hưng Yên.</p> <p>(10) 01 bộ báo cáo về an toàn: độc tính cấp, độc tính bán trường diễn (Lưu ý quan sát đặc tính</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|---|---|--|---|------------|
| | | | gây táo bón khi dùng sản phẩm). (11) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có). 3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước < 30% | |
| III LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN | | | | |
| 9 | 1 | Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong tình hình mới | 1. Mục tiêu: (1) Nghiên cứu cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023. (2) Đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong tình hình mới. (3) Xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn về công tác tôn giáo cho các đối tượng liên quan trên địa bàn tỉnh. 2. Sản phẩm của nhiệm vụ: (1) Phiếu điều tra, khảo sát; báo cáo chuyên đề về cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023. (2) Hệ thống các giải pháp thực hiện hiệu quả công tác tôn giáo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong tình hình mới. (3) Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn về công tác tôn giáo cho các đối tượng liên quan trên địa bàn tỉnh. (4) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có). 3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. | Tuyển chọn |
| 10 | 2 | Đề tài: Nghiên cứu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng gắn với phát triển du lịch cộng đồng. | 1. Mục tiêu (1) Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. (2) Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng gắn với phát triển du lịch cộng đồng. (3) Đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng gắn với phát triển du lịch cộng đồng. (4) Hoàn thiện hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng đề nghị cấp có thẩm quyền đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. 2. Sản phẩm của nhiệm vụ: (1) Báo cáo chuyên đề về cơ sở lý luận, thực trạng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. | Tuyển chọn |

| | | | | |
|----|---|--|--|------------|
| | | | <p>(2) Phiếu điều tra, khảo sát; Báo cáo đánh giá thực trạng quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng gắn với phát triển du lịch cộng đồng.</p> <p>(3) Hệ thống các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng gắn với phát triển du lịch cộng đồng.</p> <p>(4) Hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể nghề đúc đồng truyền thống Lộng Thượng (đúng theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) để đề nghị cấp có thẩm quyền đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.</p> <p>(5) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> | |
| 11 | 3 | <p>Đề tài: Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Hệ thống hoá cơ sở lý luận, thực tiễn về quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số ở Việt Nam;</p> <p>(2) Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023.</p> <p>(3) Đề xuất giải pháp, cơ chế, chính sách nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(4) Biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, hướng dẫn (01 - 02 lớp) kiến thức về thuế thu nhập cá nhân cho đối tượng nộp thuế trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Phiếu điều tra, khảo sát; báo cáo chuyên đề về cơ sở lý luận, thực tiễn về quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số ở Việt Nam; đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023.</p> <p>(2) Hệ thống các giải pháp, cơ chế, chính sách nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân gắn với phát triển kinh tế số trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) 01 Bộ tài liệu tập huấn, hướng dẫn kiến thức về thuế thu nhập cá nhân cho đối tượng nộp thuế trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(4) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> | Tuyển chọn |
| 12 | 4 | <p>Đề tài: Nghiên cứu đề</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|---|---|---|--|------------|
| | | <p>xuất giải pháp thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030</p> | <p>(1) Khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Xây dựng được các tiêu chí và phương pháp đánh giá, đo lường hoạt động đổi mới sáng tạo cấp độ doanh nghiệp.</p> <p>(3) Đề xuất giải pháp, cơ chế, chính sách và lộ trình hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Phiếu điều tra, khảo sát; báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá, đo lường hoạt động đổi mới sáng tạo cấp độ doanh nghiệp.</p> <p>(3) Hệ thống các giải pháp, cơ chế, chính sách và lộ trình hỗ trợ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> <p>(4) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> | |
| IV LĨNH VỰC KHOA HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, Y DƯỢC, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ | | | | |
| 13 | 1 | <p>Đề tài: Mô hình bệnh tật bệnh nhân nội trú và các yếu tố liên quan tại các bệnh viện công lập giai đoạn 2018-2023 và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khám chữa bệnh của các bệnh viện công lập tỉnh Hưng Yên</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Mô tả mô hình bệnh tật bệnh nhân nội trú tại các bệnh viện công lập tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023.</p> <p>(2) Xác định các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến mô hình bệnh tật và phân tích khả năng đáp ứng công tác khám, chữa bệnh của hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023.</p> <p>(3) Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Mô hình bệnh tật bệnh nhân nội trú tại các bệnh viện công lập tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023 (chiều hướng của bệnh lây nhiễm và bệnh không lây nhiễm);</p> <p>(2) Báo cáo chuyên đề: Xác định các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến mô hình bệnh tật và phân tích khả năng đáp ứng công tác khám, chữa bệnh của các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018-2023; các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|--|---|---|---|------------|
| | | | (3) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có). 3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. | |
| 14 | 2 | Đề tài: Nghiên cứu mô phỏng điều khiển thời gian thực và hoạt động đào đất của máy xúc trên địa hình ảo 3D phục vụ công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên | <p>1. Mục tiêu: Mô phỏng điều khiển thời gian thực vào hoạt động đào đất của máy xúc trên địa hình ảo 3D phục vụ công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Hưng Yên với các mục tiêu cụ thể sau: (1) Mô phỏng được các hoạt động điều khiển máy; (2) Mô phỏng được sự tương tác của gầu xúc với mặt đất; (3) Mô phỏng được hoạt động của các hạt đất, khối đất tương tác với gầu xúc và mặt đất phía dưới.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ: (1) Báo cáo chuyên đề về các hoạt động khảo sát, thu thập, xử lý và đánh giá thông tin phục vụ việc mô phỏng; các công cụ mô phỏng và các tác động vật lý, nguyên lý hoạt động của máy xúc; (2) 01 bản Demo hoàn chỉnh hoạt động điều khiển của máy xúc với các góc nhìn khác nhau; thể hiện trực quan được các di chuyển của máy xúc, tác động của máy xúc lên địa hình (làm biến dạng địa hình và tạo ra các hạt đất) và tác động của đất rơi xuống địa hình khi máy xúc thực hiện đào đất. (3) 01 giải thuật xử lý bài toán mô phỏng; (4) 01 phần mềm điều khiển thời gian thực vào hoạt động đào đất của máy xúc trên địa hình ảo 3D. (5) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> | Tuyển chọn |
| V LĨNH VỰC KHOA HỌC AN NINH, QUỐC PHÒNG | | | | |
| 15 | 1 | Đề tài: Nghiên cứu đề xuất các phương án phòng ngừa, ứng phó nguy cơ, thách thức, môi đe dọa an ninh môi trường do ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên | <p>1. Mục tiêu: (1) Đánh giá thực trạng nguy cơ đe dọa an ninh môi trường do ô nhiễm nguồn nước mặt (tác động tới kinh tế, xã hội, môi trường) và công tác phòng ngừa, ứng phó đối với các mối đe dọa an ninh môi trường, nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có xét đến các yếu tố gây ô nhiễm từ ngoài tỉnh, yếu tố liên vùng. (2) Dự báo tình hình an ninh môi trường nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030. (3) Xây dựng các phương án phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, môi đe dọa an ninh môi trường nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|-----------|--|---|---|------------|
| | | <p>(4) Xây dựng sổ tay quản trị an ninh môi trường nguồn nước mặt của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Phiếu điều tra, khảo sát và Báo cáo đánh giá thực trạng nguy cơ đe dọa an ninh môi trường do ô nhiễm nguồn nước mặt (tác động tới kinh tế, xã hội, môi trường) và công tác phòng ngừa, ứng phó đối với các mối đe dọa an ninh môi trường, nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có xét đến các yếu tố gây ô nhiễm từ ngoài tỉnh, yếu tố liên vùng.</p> <p>(2) Báo cáo Dự báo tình hình an ninh môi trường nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> <p>(3) Báo cáo phương án phòng ngừa, ứng phó các nguy cơ, thách thức, mối đe dọa an ninh môi trường nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030.</p> <p>(4) Sổ tay quản trị an ninh môi trường nguồn nước mặt của tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(5) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước</p> | | |
| VI | NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỐ 101/KH-UBND NGÀY 30/6/2021 VỀ CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG; KẾ HOẠCH SỐ 129/KH-UBND NGÀY 17/10/2019 VỀ ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM | | | |
| 16 | 1 | <p>Đề tài: Chuyển đổi, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 (hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO 29001:2020) tại các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Đánh giá hiện trạng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO 29001:2020 tại các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Đào tạo, hướng dẫn việc chuyển đổi, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO 29001:2020 cho các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(3) Xây dựng được bộ tiêu chí lựa chọn đơn vị kinh doanh xăng dầu đủ điều kiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO 29001:2020.</p> <p>(4) Hỗ trợ mô hình điểm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO 29001:2020 tại khoảng 20 đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Giấy chứng nhận và Hồ sơ hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|----|---|--|--|------------|
| | | | <p>chuẩn ISO 29001:2020 tại các đơn vị kinh doanh xăng dầu được lựa chọn tham gia mô hình điểm đảm bảo chặt chẽ theo quy định của pháp luật;</p> <p>(2) Bộ tài hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 hoặc hệ thống quản lý chất lượng chuyên ngành dầu khí theo tiêu chuẩn ISO 29001:2020 tại các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các đơn vị kinh doanh xăng dầu tham gia mô hình điểm.</p> | |
| 17 | 2 | <p>Đề tài: Nghiên cứu áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Đánh giá thực trạng áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại các hợp tác xã; các yếu tố ảnh hưởng tới việc áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(2) Biên soạn Bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến cho các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(3) Triển khai áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại một số hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; đánh giá kết quả sau 01 năm áp dụng.</p> <p>(4) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và nhân rộng việc áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Phiếu điều tra, khảo sát đối với hợp tác xã; Báo cáo thực trạng áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại các hợp tác xã; các yếu tố ảnh hưởng tới việc áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(2) Bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến cho các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.</p> <p>(3) Mô hình áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại 10-15 hợp tác xã.</p> <p>(4) Báo cáo đánh giá kết quả sau 01 năm áp dụng hệ thống quản lý, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến tại các hợp tác xã tham gia mô hình.</p> <p>(5) Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ và báo cáo chuyên đề liên quan (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các hợp tác xã (khoảng 30% để thực hiện các nội dung: khảo sát sâu tại HTX, chi phí kiểm nghiệm sản phẩm, chi phí cấp chứng nhận).</p> | Tuyển chọn |
| 18 | 3 | <p>Đề tài: Nghiên cứu đề</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|----|---|---|--|------------|
| | | <p>xuất giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên</p> | <p>(1) Nghiên cứu đánh giá được thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Biên soạn Sổ tay nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(4) Hỗ trợ mô hình điểm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến giúp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại 04 doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo đánh giá thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Sổ tay nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) 04 chứng nhận việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn, công cụ cải tiến giúp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm gắn với giá trị tăng thêm tại 04 doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(4) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi tham gia mô hình điểm.</p> | |
| 19 | 4 | <p>Đề tài: Đánh giá thực trạng hoạt động đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn, đề xuất giải pháp đảm bảo đo lường và triển khai áp dụng tại một số cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn trên địa bàn</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Đánh giá thực trạng hoạt động đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn (khoảng 60-80 cơ sở, doanh nghiệp Việt Nam), đề xuất giải pháp đảm bảo đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(2) Biên soạn Bộ tài liệu hướng dẫn đảm bảo đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) Xây dựng mô hình điểm tại 10 cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn triển khai chương trình đảm bảo đo lường, đánh giá kết quả sau 01 năm áp dụng.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Phiếu điều tra, phỏng vấn tại cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn; báo cáo đánh giá thực</p> | Tuyển chọn |

| | | | |
|------------|---|--|------------|
| | | <p>tỉnh Hưng Yên</p> <p>trạng hoạt động đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn được khảo sát; đề xuất giải pháp đảm bảo đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn;</p> <p>(2) Bộ tài liệu hướng dẫn đảm bảo đo lường tại các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.</p> <p>(3) 10 Chương trình đảm bảo đo lường, 10 Kế hoạch triển khai Chương trình đảm bảo đo lường tại 10 cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn tham gia mô hình điểm;</p> <p>(4) Khoảng 400 lượt học viên của 10 cơ sở tham gia mô hình điểm (2 lớp/1 cơ sở) được đào tạo, tập huấn về Chương trình đảm bảo đo lường tại cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn.</p> <p>(5) 10 Báo cáo đánh giá kết quả sau 01 năm thực hiện Chương trình đảm bảo đo lường tại 10 cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn tham gia mô hình điểm.</p> <p>(6) Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ và báo cáo chuyên đề liên quan (nếu có).</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và đối ứng của các cơ sở sản xuất hàng đóng gói sẵn tham gia mô hình điểm đảm bảo đo lường.</p> | |
| VII | NHIỆM VỤ KH&CN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1221/QĐ-UBND VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ | | |
| 20 | 1 | <p>Dự án: Nghiên cứu mở rộng khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý “Hưng Yên” cho sản phẩm nhãn lồng của tỉnh Hưng Yên</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn về tính chất đặc thù sản phẩm nhãn lồng của huyện Phù Cừ và huyện Ân Thi; điều kiện tự nhiên, yếu tố con người ảnh hưởng đến tính chất đặc thù sản phẩm nhãn lồng của huyện Phù Cừ và huyện Ân Thi. Chứng minh được các khu vực địa lý được mở rộng (huyện Phù Cừ, huyện Ân Thi) cần được bổ sung trong bản mô tả và bản đồ của chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ;</p> <p>(2) Đơn yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý (sửa đổi thông tin liên quan tới chỉ dẫn địa lý) được nộp và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng sửa đổi;</p> <p>(3) Điều chỉnh các văn bản quản lý chỉ dẫn địa lý (quy chế quản lý sử dụng, kiểm soát chất lượng theo bộ tiêu chí,...);</p> <p>(4) Nâng cao nhận thức, kỹ năng quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các tổ chức, cá nhân vùng địa lý được mở rộng .</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá thực trạng sản xuất, yếu tố tự nhiên và con người liên quan đến sản phẩm nhãn lồng của huyện Phù Cừ, huyện Ân Thi;</p> <p>(2) Bộ kết quả phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu về hình thái, chất lượng sản phẩm nhãn lồng của huyện Phù Cừ, huyện Ân Thi;</p> | Tuyển chọn |

| | | | | |
|----|---|---|---|------------|
| | | | <p>(3) Báo cáo phân tích, kiểm nghiệm mẫu đất trồng nhãn; mối tương quan giữa chất lượng đất và chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý; ảnh hưởng của con người và kỹ thuật canh tác đến tính đặc thù về chất lượng của nhãn lồng trồng tại huyện Phù Cừ và Ân Thi (<i>kế thừa kết quả của các đề tài, dự án khác có liên quan</i>);</p> <p>(4) Bản đồ vùng địa lý sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý "Hung Yên" sau khi mở rộng;</p> <p>(5) Bản Thuyết minh tính chất đặc thù của sản phẩm nhãn lồng trên địa bàn huyện Phù Cừ, huyện Ân Thi;</p> <p>(6) Hồ sơ đăng ký mở rộng khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý "Hung Yên" cho sản phẩm nhãn lồng của tỉnh Hưng Yên;</p> <p>(7) Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý "Hung Yên" cho sản phẩm nhãn lồng của tỉnh sau khi mở rộng phạm vi bảo hộ được Cục Sở hữu trí tuệ cấp;</p> <p>(8) Hệ thống các văn bản quản lý chỉ dẫn địa lý "Hung Yên" cho sản phẩm nhãn lồng của tỉnh Hưng Yên sau khi được điều chỉnh (<i>kế thừa kết quả của các đề tài, dự án khác có liên quan</i>);</p> <p>(9) Hồ sơ cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý và hỗ trợ mã số, mã vạch cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Phù Cừ, huyện Ân Thi (khoảng 05-07 tổ chức, cá nhân);</p> <p>(10) 02 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý dành cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, người dân trồng, kinh doanh sản phẩm nhãn lồng Hưng Yên; 01 hội thảo sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý chỉ dẫn địa lý "Hung Yên";</p> <p>(11) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có)</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước</p> | |
| 21 | 2 | <p>Dự án: Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Mộc Dương Quang - Mỹ Hào" dùng cho các sản phẩm nghề mộc của xã Dương Quang, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên</p> | <p>1. Mục tiêu:</p> <p>(1) Xác lập quyền sở hữu trí tuệ (nhãn hiệu tập thể) cho các sản phẩm mộc của xã Dương Quang, thị xã Mỹ Hào;</p> <p>(2) Xây dựng hệ thống các công cụ, phương tiện quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể "Mộc Dương Quang - Mỹ Hào";</p> <p>(3) Thiết lập và vận hành thí điểm mô hình quản lý nhãn hiệu tập thể "Mộc Dương Quang - Mỹ Hào" trên thực tế; bảo đảm sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể "Mộc Dương Quang - Mỹ Hào" khi tiêu thụ trên thị trường được kiểm soát, quản lý chặt chẽ;</p> <p>(4) Duy trì, nâng cao chất lượng, uy tín sản phẩm mộc mang nhãn hiệu tập thể "Mộc Dương Quang - Mỹ Hào"; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân địa</p> | Tuyển chọn |

| | | | |
|--|--|---|--|
| | | <p>phương.</p> <p>2. Sản phẩm của nhiệm vụ:</p> <p>(1) Bộ hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào”;</p> <p>(2) Nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào” được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ;</p> <p>(3) Hệ thống các công cụ, phương tiện, bộ tiêu chí quản lý nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào”; Mô hình quản lý thí điểm nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào” trên thực tế;</p> <p>(4) 02 lớp tập huấn nâng cao kiến thức về quản lý, sử dụng nhãn hiệu tập thể cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, người dân trực tiếp sản xuất và kinh doanh sản phẩm Mộc Dương Quang - Mỹ Hào; 02 hội thảo xây dựng hệ thống các công cụ, phương tiện quản lý nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào”.</p> <p>(5) Hệ thống nhận diện hình ảnh, công cụ quảng bá sản phẩm (gồm: tem nhãn, bao bì sản phẩm, tem chống hàng giả, mã số mã vạch,...) mang nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào”.</p> <p>(6) Phương án phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể “Mộc Dương Quang - Mỹ Hào”.</p> <p>(7) Báo cáo khoa học tổng kết nhiệm vụ và các báo cáo chuyên đề khác (nếu có)</p> <p>3. Kinh phí thực hiện: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.</p> | |
|--|--|---|--|